



卫 生 间

wèishēngjiān · vệ sinh gian · nhà vệ sinh

Wèi

丿 ㇏ 卫

卫 卫 卫 卫

shēng

丿 ㇏ ㇏ 牛 生

生 生 生 生

jiān

丶 丨 门 门 问 问 问

间 间 间 间